

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29** /2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 07 năm 2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Kinh Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Thanh Trà

2. Ông Nguyễn Văn Sanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Minh Tâm - Cán bộ Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Trang - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị A**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu H, thị trấn A, huyện Đ. L, tỉnh Q. N

(bà A có mặt tại phiên tòa)

* *Bị đơn:* Ông **Đặng Hồ Hoàng P**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu CC B2/12 L.D.S, N. S 4, phường H.C.B, quận H, thành phố Đ.N

(ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:*

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Thị A và ông Đặng Hồ Hoàng P đã đăng ký kết hôn vào năm 2019 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108, ngày 24/10/2019 tại Ủy ban nhân

dân phường T, quận T. K, thành phố Đ.N. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại Khu H, thị trấn A, huyện Đ.L, tỉnh Q.N và Khu CC B2/12 L.D.S, N. S 4, phường H.C.B, quận H, thành phố Đ.N. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, theo bà A trình bày thì nguyên nhân là do cuộc sống không còn hòa hợp, vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, giữa con riêng bà A và ông P thường cãi vã nhau. Mặt khác, cả hai cùng sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng không còn gắn kết, yêu thương nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay và cũng không liên lạc với nhau. trong quá trình chung sống P thường xuyên say xỉn và hành hung vợ. Bà A xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và không thể đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đặng Hồ Hoàng P.

2. *Về con chung*: Bà A xác nhận giữa bà và ông Đặng Hồ Hoàng P không có con chung.

3. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Bà A xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải Tòa án giải quyết. Đồng thời xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Hồ Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến cho rằng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và về con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Hồ Hoàng P đã được triệu tập hợp lệ

nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Đặng Hồ Hoàng P.

[2] Về nội dung:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Thị A và ông Đặng Hồ Hoàng P đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108, ngày 24/10/2007 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T. K, thành phố Đ.N. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, phai nhạt tình cảm, con riêng của hai người thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân trong khoảng thời gian dài. Nay, bà A xác định không còn tình cảm với ông P, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Hồ Hoàng P

Xét thấy hôn nhân giữa bà Đỗ Thị A và ông Đặng Hồ Hoàng P đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng và không còn tồn tại trên thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đặng Hồ Hoàng P vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, thể hiện việc ông P không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân với bà A. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Đỗ Thị A được ly hôn với ông Đặng Hồ Hoàng P .

2.2. *Về quan hệ con chung:* Bà A xác nhận không có con chung với ông Đặng Hồ Hoàng P nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3 *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời xác định vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

2.4. *Về án phí:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Đỗ Thị A phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” của bà Đặng Thị A và ông Đặng Hồ Hoàng P :

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đỗ Thị A được ly hôn đối với ông Đặng Hồ Hoàng P .

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Đặng Thị A phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0005773 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (bà A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Tam Thuận
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Ngọc Kinh Luân

